

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3765 080; Fax: (0710) 3765 078

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Thắng

Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại (di động): 0908.233.534

Fax: (0710) 3765 078

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin: **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015** (đính kèm file). Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ kính báo.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Ngày 09 tháng 03 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin

**PHO GIAM ĐOC**



Trần Văn Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quý Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hiền	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Trần Văn Thắng	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Nhã	Ủy viên
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Hiền	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Trần Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Kiên Định	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA  
CHẤT DẦU KHÍ  
TÂY NAM BỘ**

**Trịnh Văn Khiêm**

**Giám đốc**

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam



Số: 365 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2016, từ trang 03 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 03 tháng 3 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mạnh Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2737-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014 (Trình bày lại)</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>293.608.977.703</b>	<b>219.668.620.449</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>168.036.031.448</b>	<b>66.790.824.151</b>
1. Tiền	111		7.036.031.448	1.790.824.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		161.000.000.000	65.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>49.412.951.482</b>	<b>75.752.593.646</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.457.297.136	75.456.432.534
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	22.627.391.000	27.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	328.263.346	268.661.112
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>75.991.386.593</b>	<b>76.601.942.378</b>
1. Hàng tồn kho	141		77.956.811.280	76.601.942.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.965.424.687)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>168.608.180</b>	<b>523.260.274</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		168.608.180	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	523.260.274
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.318.492.151</b>	<b>49.066.103.668</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.790.325.895</b>	<b>38.204.736.878</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	18.874.355.770	22.288.766.753
- Nguyên giá	222		33.952.453.837	32.570.817.037
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.078.098.067)	(10.282.050.284)
2. Tài sản cố định vô hình	227		15.915.970.125	15.915.970.125
- Nguyên giá	228		15.915.970.125	15.915.970.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>10.277.676.826</b>	<b>10.438.812.547</b>
- Nguyên giá	231		11.480.389.000	11.480.389.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.202.712.174)	(1.041.576.453)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>250.489.430</b>	<b>422.554.243</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		250.489.430	422.554.243
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>338.927.469.854</b>	<b>268.734.724.117</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>123.918.011.559</b>	<b>54.441.130.213</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.918.011.559</b>	<b>54.441.130.213</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	61.670.803.554	33.707.300.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	39.561.325.000	897.444.614
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.268.616.061	2.365.202.857
4. Phải trả người lao động	314		4.284.903.469	3.485.439.934
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		133.745.732	266.322.121
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	11.644.447.864	11.087.269.805
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.354.169.879	2.632.150.792
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>215.009.458.295</b>	<b>214.293.593.904</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>215.009.458.295</b>	<b>214.293.593.904</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	17.326.861.400
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.080.472.602	26.966.732.504
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.066.732.504	13.383.727.118
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		11.013.740.098	13.583.005.386
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>338.927.469.854</b>	<b>268.734.724.117</b>

  
 Ngô Thị Hồng Nga  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thành Công  
 Kế toán trưởng

  
 Trịnh Văn Khiêm  
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
			(Trình bày lại)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.619.023.527.822	2.569.798.252.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	18.954.127.289	21.600.261.723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	2.600.069.400.533	2.548.197.991.082
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.519.509.782.994	2.470.497.743.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		80.559.617.539	77.700.248.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.911.921.338	5.857.240.200
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	24.508.042.449	20.829.191.143
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	22.397.476.446	21.814.384.475
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		37.566.019.982	40.913.912.646
11. Thu nhập khác	31	22	3.593.668.000	2.727.274
12. Chi phí khác	32	22	48.709.091	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.544.958.909	2.727.274
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.110.978.891	40.916.639.920
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	9.068.493.036	9.029.660.798
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		32.042.485.855	31.886.979.122
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.542	1.593

  
 Ngô Thị Hồng Nga  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thành Công  
 Kế toán trưởng

  
 Trịnh Văn Khiêm  
 Giám đốc

Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>41.110.978.891</i>	<i>40.916.639.920</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.957.183.504	4.398.797.571
Các khoản dự phòng	03	1.965.424.687	(3.427.067.946)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.656.880.247)	(5.857.240.200)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>42.376.706.835</i>	<i>36.031.129.345</i>
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	26.765.305.214	(65.091.516.498)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.354.868.902)	43.146.068
Tăng các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	67.142.197.091	35.402.822.598
Giảm chi phí trả trước	12	3.456.633	390.154.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.360.577.868)	(9.788.569.496)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	455.200.500	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.559.802.877)	(4.599.729.866)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>121.467.616.626</i>	<i>(7.612.563.329)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(123.768.800)	(18.718.645.628)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	487.090.909	-
3. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.009.518.562	5.729.895.754
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>4.372.840.671</i>	<i>(12.988.749.874)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(24.595.250.000)	(27.543.772.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(24.595.250.000)</i>	<i>(27.543.772.000)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>101.245.207.297</b>	<b>(48.145.085.203)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>66.790.824.151</b>	<b>114.935.909.354</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>168.036.031.448</b>	<b>66.790.824.151</b>

  
 Ngô Thị Hồng Nga  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thành Công  
 Kế toán trưởng

  
 Trịnh Văn Khiêm  
 Giám đốc



Ngày 03 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 25 tháng 01 năm 2016. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800722461 ngày 31 tháng 12 năm 2010. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội ngày 30 tháng 6 năm 2015 với mã chứng khoán là PSW.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 65 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đại lý làm thủ tục hải quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất của kho Đồng Tháp và Tòa nhà Văn phòng tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, tuy nhiên Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 10 năm. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	134.078.513	79.633.128
Tiền gửi ngân hàng	6.901.952.935	1.711.191.023
Các khoản tương đương tiền (*)	161.000.000.000	65.000.000.000
	<u><b>168.036.031.448</b></u>	<u><b>66.790.824.151</b></u>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng và 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	11.977.390.570	25.483.271.253
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Long	7.952.017.500	7.459.499.625
Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan	3.518.268.185	9.062.924.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thu Dung	1.050.356.248	9.313.083.500
Doanh nghiệp Tư nhân Tường Dung	3.802.900	8.144.052.499
Các khách hàng khác	1.955.461.733	15.993.601.657
	<u><b>26.457.297.136</b></u>	<u><b>75.456.432.534</b></u>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> <b>(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)</b>	<u><b>1.504.682.491</b></u>	<u><b>4.629.769.176</b></u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty Cổ phần	22.569.877.500	-
Các nhà cung cấp khác	57.513.500	27.500.000
	<u><b>22.627.391.000</b></u>	<u><b>27.500.000</b></u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b> <b>(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)</b>	<u><b>22.569.877.500</b></u>	<u><b>27.500.000</b></u>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	83.163.888	180.761.112
Tạm ứng cán bộ công nhân viên	50.000.000	15.000.000
Phải thu khác	195.099.458	72.900.000
	<u><b>328.263.346</b></u>	<u><b>268.661.112</b></u>
<b>Phải thu khác các bên liên quan</b> <b>(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)</b>	<u><b>122.916.000</b></u>	<u><b>69.900.000</b></u>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	205.069.015	-	886.011.676	-
Hàng hoá	77.751.742.265	(1.965.424.687)	75.715.930.702	-
<b>Cộng</b>	<u><b>77.956.811.280</b></u>	<u><b>(1.965.424.687)</b></u>	<u><b>76.601.942.378</b></u>	<u><b>-</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**151/18 Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	25.815.691.083	-	4.130.301.818	2.624.824.136	32.570.817.037
Mua sắm mới	-	-	123.768.800	-	123.768.800
Tặng khác	-	128.128.000	1.665.540.000	-	1.793.668.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(535.800.000)	-	(535.800.000)
Tại ngày 31/12/2015	25.815.691.083	128.128.000	5.383.810.618	2.624.824.136	33.952.453.837
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	6.834.125.284	-	1.741.789.930	1.706.135.070	10.282.050.284
Trích khấu hao trong năm	3.758.631.936	58.505	695.152.802	342.204.540	4.796.047.783
Tại ngày 31/12/2015	10.592.757.220	58.505	2.436.942.732	2.048.339.610	15.078.098.067
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	15.222.933.863	128.069.495	2.946.867.886	576.484.526	18.874.355.770
Tại ngày 31/12/2014	18.981.565.799	-	2.388.511.888	918.689.066	22.288.766.753

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 1.364.505.572 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.043.091.027 đồng).

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
Tại ngày 31/12/2015	1.766.025.000	9.714.364.000	11.480.389.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.041.576.453	-	1.041.576.453
Trích khấu hao trong năm	161.135.721	-	161.135.721
Tại ngày 31/12/2015	1.202.712.174	-	1.202.712.174
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2015	563.312.826	9.714.364.000	10.277.676.826
Tại ngày 31/12/2014	724.448.547	9.714.364.000	10.438.812.547

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Văn phòng tại số 13A đường Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	57.182.762.974	32.129.075.051
Các nhà cung cấp khác	4.488.040.580	1.578.225.039
	<b>61.670.803.554</b>	<b>33.707.300.090</b>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)</b>	<b>58.472.048.483</b>	<b>33.266.755.666</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Hữu Thành I	7.859.050.000	44.389.500
Doanh nghiệp Tư nhân Kim Hoàng	4.452.115.000	-
Công ty TNHH Út Nữ	4.140.000.000	115.877.793
Doanh nghiệp Tư nhân Phân bón Tân Thành	4.036.500.000	111.717.999
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu Tường Nguyên	4.005.450.000	79.278.874
Công ty TNHH Thương mại Nguyễn Khoa	1.723.600.000	251.456.250
Doanh nghiệp Tư nhân Việt Nga	1.068.120.000	99.660.500
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Long	1.030.000.000	98.665.000
Các khách hàng khác	11.246.490.000	96.398.698
	<b>39.561.325.000</b>	<b>897.444.614</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)</b>	<b>3.694.230.000</b>	-

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	-	196.343.781	-	196.343.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.237.961.244	9.068.493.036	8.360.577.868	2.945.876.412
Thuế thu nhập cá nhân	127.241.613	1.013.173.241	1.014.018.986	126.395.868
Tiền thuê đất	-	466.357	466.357	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.365.202.857</b>	<b>10.283.476.415</b>	<b>9.380.063.211</b>	<b>3.268.616.061</b>